ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10097 /UBND-TH V/v thẩm định danh sách, dự toán kinh phí tinh giản biên chế đợt I, năm 2017	*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 12 năm 2016*

Kính gửi:
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC, ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Trên cơ sở tổng hợp hồ sơ đề nghị của các cơ quan, đơn vị; kết quả thẩm tra dự toán kinh phí chi trả cho các đối tượng và thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đợt I, năm 2017 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017), cụ thể như sau:

Tổng số đối tượng tinh giản biên chế đợt I, năm 2017 có: 60 người, với tổng số kinh phí chi trả: 6.939.413.000 đồng (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm mười ba ngàn đồng), trong đó:

1. Nghỉ hưu trước tuổi: 56 người

- Khối Đảng: 02 người

- Khối hành chính: 15 người

- Khối các xã: 01 người

- Khối sự nghiệp: 38 người (Không có đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên).

* Tổng số kinh phí chi trả: 6.359.799.000 đồng (Sáu tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng).

2. Thôi việc ngay: 04 người, trong đó:

- Khối Đảng: 01 người

- Khối các xã: 01 người

- Khối sự nghiệp: 02 người (Không có đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên).

* Tổng số kinh phí chi trả: 579.614.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

(Có danh sách theo các biểu mẫu 1a, 1c và 02 kèm theo)

Kính trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

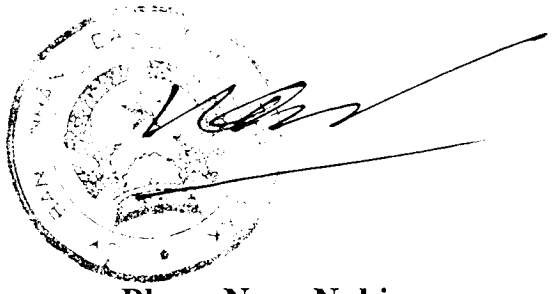

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Biểu 1a

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỢT I NĂM 2017

Từ ngày 01/01/2017 - 30/6/2017

(Kèm theo Công văn số: 10097 /UBND-TH ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
A	**KHỐI ĐẢNG (02 trường hợp)**																										
1	Nguyễn Hữu Điệp	Nam	04/9/1961	Cử nhân Kinh tế	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Liên đoàn Lao động tỉnh	4,98 + 8%	01/10/2016	0,3	01/12/2007			8%	01/10/2016			4,98 4,98 + VK 5% 4,98 + VK 6% 4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8%	01/10/2010 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/10/2015 '01/10/2016	6.124	33 năm		01/01/2017	55 tuổi 4 tháng	143.923				Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Tần Văn Nhật	Nam	02/4/1959	Thạc sĩ Lâm nghiệp	Chủ tịch Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT, Liên đoàn Lao động tỉnh	6,44	01/12/2016	0,55	01/5/2012							5,76 6,10 6,44	01/12/2011 '01/12/2013 '01/12/2016	7.273	34 năm 11 tháng		01/01/2017	57 tuổi 9 tháng	134.552				Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
B	**KHỐI HÀNH CHÍNH TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN (15 trường hợp)**																										
I	**Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**																										
1	Huỳnh Xuân Ngữ	Nam	02/01/1960	Đại học Luật	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	5,42	01/01/2015	0,3	10/4/2014							4,98 +VK 5% 4,98 +VK 6% 4,98 +VK 7% 4,98 +VK 8% 5,42	01/10/2011 '01/10/2012 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/01/2015	6.145	36 năm 3 tháng		02/01/2017	57 tuổi	136.734	55.308	30.727	50.699	Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
II	**Sở Công thương**																										
1	Dương Hùng Ba	Nam	08/6/1961	Đại học Kế toán tài chính	Trưởng phòng Quản lý công nghiệp	4,98	01/6/2005	0,7 0,5	01/11/2009 '01/7/2016			13%	01/6/2016			4,98 +VK 9% 4,98 +VK 10% 4,98 +VK 11% 4,98 +VK 12% 4,98 +VK 13%	01/6/2012 '01/6/2013 '01/6/2014 '01/6/2015 '01/6/2016	6.931	35 năm 4 tháng	18 năm 11 tháng	02/01/2017	55 tuổi 7 tháng	178.481	90.107	34.656	53.718	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Đồng Văn Tiến	Nam	23/3/1961	Đại học Lâm nghiệp	Phó Chánh Văn phòng Sở	4,98	01/7/2009	0,3 0,5	01/6/2005 '01/5/2013			9%	01/7/2016			4,98 + VK 5% 4,98 + VK 6% 4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8% 4,98 + VK 9%	01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015 '01/7/2016	6.442	32 năm 2 tháng	01 năm 4 tháng	02/01/2017	55 tuổi 10 tháng	154.617	83.751	32.212	38.654	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
III	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**																										
1	Y Priu H'mok	Nam	16/11/1959	Sơ cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	3,63 + VK 12%	01/01/2016			37%	01/11/2015	12%	01/01/2016			3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11% 3,63 + VK 12%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.060	38 năm 7 tháng		31/01/2017	57 tuổi 2 tháng	136.354	48.480	30.300	57.574	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Phan Đình	Nam	01/01/1961	Đại học	Nhân viên, Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	4,98 + VK 17%	'01/10/2016			28%	01/8/2016	17%	'01/10/2016			4,98 + VK 13% 4,98 + VK 14% 4,98 + VK 15% 4,98 + VK 16% 4,98 + VK 17%	01/10/2012 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/10/2015 '01/10/2016	8.014	32 năm 11 tháng		31/01/2017	56 tuổi	188.327	96.168	40.070	52.089	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Đồng Xuân Vượng	Nam	18/12/1957	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Ea H'leo, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 17%	'01/3/2016			32%	01/9/2015	17%	'01/3/2016			4,06 + VK 13% 4,06 + VK 14% 4,06 + VK 15% 4,06 + VK 16% 4,06 + VK 17%	01/3/2012 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	6.916	39 năm 3 tháng		31/3/2017	59 tuổi 3 tháng					Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
4	Cao Xuân Nhẫn	Nam	20/3/1960	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	4,98	'01/12/2013			31%	01/5/2016					4,65 4,98	01/12/2010 '01/12/2013	7.280	34 năm		30/6/2017	57 tuổi 3 tháng	145.598	58.240	36.400	50.958	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Huỳnh Hữu Phước	Nam	20/02/1960	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	4,98 + VK 11%	'01/5/2016			32%	01/01/2016	11%	'01/5/2016			4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8% 4,98 + VK 9% 4,98 + VK 10% 4,98 + VK 11%	01/5/2012 '01/5/2013 '01/5/2014 '01/5/2015 '01/5/2016	8.125	33 năm 6 tháng		30/6/2017	57 tuổi 4 tháng	160.472	65.000	40.625	54.847	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
6	Nguyễn Thế Tiến	Nam	15/5/1960	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 8%	'01/12/2015			31%	01/5/2016	8%	'01/12/2015			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8%	01/12/2010 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	6.356	31 năm 11 tháng		30/5/2017	57 tuổi	149.367	57.204	31.780	60.383	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
7	Hoàng Văn Chi	Nam	03/4/1959	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Krông Năng, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 12%	'01/12/2015			31%	01/12/2015	12%	'01/12/2015			4,06 + VK 9% 4,06 + VK 10% 4,06 + VK 11% 4,06 + VK 12% 4,06 + VK 12%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	6.378	33 năm 4 tháng		30/01/2017	57 tuổi 9 tháng	119.604	44.646	31.890	43.068	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
8	Nguyễn Ngọc Khang	Nam	27/9/1959	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện M'Đrắk, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 9%	'01/3/2016			30%	31/12/2015	9%	'01/3/2016			4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8% 4,06 + VK 9%	01/3/2012 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	6.326	38 năm 8 tháng		30/3/2017	57 tuổi 6 tháng	136.009	44.282	31.630	60.097	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
9	Ngô Trọng Thắng	Nam	19/11/1962	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện M'Đrắk, Chi cục Kiểm lâm	4,65	'01/01/2014			30%	01/5/2016					4,32 4,65	01/01/2011 '01/01/2014	6.738	35 năm		30/6/2017	54 tuổi 7 tháng	192.029	107.808	33.690	50.531	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IV	**Huyện Ea Kar**																										
1	Lê Thị Mỹ Dung	Nữ	18/10/1964		Kế toán, Phòng Nông nghiệp và PTNT	4,06	01/3/2011					8%	01/3/2016			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8%	01/3/2011 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	4.898	30 năm 6 tháng		01/6/2017	52 tuổi 7 tháng	85.717	34.287	24.491	26.939	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Hoàng Thị Lý	Nữ	28/4/1965	Cao đẳng Sư phạm Mầm non	Chuyên viên, Phòng Nội vụ	4,89	'01/12/2014									4,58 4,89	01/12/2011 '01/12/2014	5.457	33 năm 4 tháng		01/4/2017	52 tuổi	113.233	49.113	27.285	36.835	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
V	**Huyện Krông Ana**																										
1	Nguyễn Ngọc Thông	Nam	29/02/1960	Kỹ thuật Lái xe	Lái xe, Văn phòng HĐND và UBND huyện	4.03	'01/12/1999					19%	'01/12/2015			4.03 + VK 15% 4.03 + VK 16% 4.03 + VK 17% 4.03 + VK 18% 4.03 + VK 19%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	5.256	33 năm 4 tháng		01/01/2017	56 tuổi 10 tháng	114.325	52.563	26.282	35.480	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
C	**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ (01 trường hợp)**																										
I	**Huyện Cư M'gar**																										
1	Y Bhuă Kbuôr	Nam	18/4/1959	Sơ cấp lý luận chính trị	Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Ea H'đing	2,65	01/09/2010									2,65	01/09/2010	2.950	22 năm		01/01/2017	57 tuổi 8 tháng	38.351	20.649	14.752	2.950	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
D	**KHỐI SỰ NGHIỆP (38 trường hợp)**																										
I	**Sở Giáo dục và Đào tạo**																										

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
1	Nguyễn Thị Đăng Duyên	Nữ	20/5/1964	Trung cấp Kế toán	Phụ trách Kế toán, Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Krông Pắc	3,66	01/01/2016	0,25	01/01/2007							3,26 3,46 3,66	01/9/2012 '01/01/2014 '01/01/2016	4.170	25 năm 3 tháng		01/4/2017	52 tuổi 10 tháng	61.495	29.184	20.846	11.465	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Phương Lan	Nữ	12/3/1966	Trung cấp	Thủ quỹ, Trung tâm GDTX huyện Krông Ana	4,06	01/7/2010					10%	01/7/2015			4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8% 4,06 + VK 9% 4,06 + VK 10%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015	4.315	32 năm 2 tháng		15/02/2017	50 tuổi 11 tháng	103.567	56.099	21.576	25.892	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
II	Sở Y tế																										
1	Trần Văn Nhung	Nam	20/10/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Ea Súp	3,45	01/05/2015									3,09 3,27 3,45	01/5/2011 '01/5/2013 '01/5/2015	3.690	28 năm 6 tháng		01/02/2017	57 tuổi 3 tháng	64.576	29.521	18.450	16.605	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Lò Thị Phương Thảo	Nữ	25/03/1967	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh, Trung tâm Y tế TP.Buôn Ma Thuột	3,46	01/02/2016									3,06 3,26 3,46	01/02/2012 '01/02/2014 '01/02/2016	3.668	20 năm 7 tháng		01/4/2017	50 tuổi	75.207	55.030	18.343	1.834	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Y Djol H'Đok	Nam	25/04/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Krông Ana	3,63 + VK 10%	30/05/2016					10%	01/5/2016			3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10%	01/5/2012 '01/5/2013 '01/5/2014 '01/5/2015 '01/5/2016	4.383	34 năm 4 tháng		01/02/2017	57 tuổi 9 tháng	84.374	30.682	21.915	31.777	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Lê Đình Vững	Nam	27/09/1960	Dược sơ cấp	Dược tá, BVĐK huyện M'Đrắk	3,63 + VK 14%	01/04/2016					14%	01/04/2016			3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11% 3,63 + VK 12% 3,63 + VK 13% 3,63 + VK 14%	01/04/2012 '01/04/2013 '01/04/2014 '01/04/2015 '01/04/2016	4.649	31 năm 10 tháng		01/6/2017	56 tuổi 8 tháng	97.640	46.496	23.247	27.897	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
5	Trần Thị Thanh Uyên	Nữ	06/02/1965	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 333	3,63 + VK 10%	01/12/2015					10%	01/12/2015			3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	4.427	33 năm 11 tháng		01/3/2017	52 tuổi	92.981	39.849	22.138	30.994	~~Điểm C~~, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
6	Hoàng Thị Hòa	Nữ	03/08/1966	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 333	3,63 + VK 9%	01/7/2015					9%	01/7/2015			3,63 + VK 5% 3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015	4.344	32 năm 5 tháng		01/01/2017	50 tuổi 4 tháng	109.688	60.817	21.720	27.151	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
7	Phạm Hữu Lý	Nam	20/02/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 333	3,63 + VK 11%	01/01/2016					11%	01/01/2016			3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	4.408	37 năm 10 tháng		01/01/2017	57 tuổi 10 tháng	92.580	30.860	22.043	39.677	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
8	Nguyễn Ngọc Sánh	Nam	28/5/1959	Điều dưỡng trung cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Cư M'gar	4,06+ VK 6%	01/04/2015					6%	01/04/2015			3,86 4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6%	01/10/2010 '01/4/2012 '01/4/2014 '01/4/2015	4.758	34 năm 1 tháng		01/4/2017	57 tuổi 10 tháng	90.415	33.311	23.793	33.311	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
9	Phạm Quang Hồng	Nam	02/01/1962	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Cư M'gar	3,63 + VK 9%	01/04/2016					9%	01/04/2016			3,63 + VK 5% 3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9%	01/04/2012 '01/04/2013 '01/04/2014 '01/04/2015 '01/04/2016	4.400	35 năm 8 tháng		01/4/2017	55 tuổi 2 tháng	118.821	61.611	22.004	35.206	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
10	H' Sỹ Kpơr	Nữ	07/05/1965	Điều dưỡng trung cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Krông Bông	4,06+ VK 5%	01/07/2015					5%	01/07/2015			3,86 4,06 4,06 + VK 5%	'01/01/2012 '01/7/2013 '01/7/2015	4.531	25 năm 10 tháng		01/01/2017	51 tuổi 7 tháng	81.571	45.317	22.659	13.595	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
III	**Đài Phát thanh và Truyền hình**																										

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
1	Hàng Vĩnh Hòa	Nam	21/9/1959	Sơ cấp	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật sản xuất chương trình	4,06 + VK 17%	01/01/2016					17%	01/01/2016			4,06 + VK 13% 4,06 + VK 14% 4,06 + VK 15% 4,06 + VK 16% 4,06 + VK 17%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	4.834	31 năm 10 tháng		01/01/2017	57 tuổi 3 tháng	96.674	43.503	24.169	29.002	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IV	**Huyện Krông Năng**																										
1	Hồ Thị Minh Thư	Nữ	12/06/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	10/09/2015			29%	01/09/2015					3,96 4.27 4.58	'10/09/2009 '10/09/2012 '10/09/2015	6.084	31 năm 5 tháng		03/01/2017	51 tuổi 06 tháng	126.251	60.844	30.422	34.985	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Nữ	Nữ	10/02/1966	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	01/03/2015			29%	01/09/2015					3,96 4,27 4,58	'01/03/2009 '01/03/2012 '01/03/2015	6.166	31 năm 5 tháng		03/01/2017	50 tuổi 10 tháng	146.437	80.155	30.829	35.453	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Trương Thị Ngọc	Nữ	26/02/1964	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	10/09/2015			29%	01/09/2015					3,96 4.27 4.58	'10/09/2009 10/09/2012 10/09/2015	6.084	31 năm 5 tháng		03/01/2017	52 tuổi 10 tháng	107.998	42.591	30.422	34.985	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Anh Hồng	Nam	06/03/1959	Đại học Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Ea Hồ	4,32	01/09/2014			27%	01/09/2015					3,99 4.32	01/09/2011 01/09/2014	5.752	37 năm 2 tháng		03/01/2017	57 tuổi 9 tháng	117.919	40.265	28.761	48.893	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Y Mrôk Mlô	Nam	29/04/1958	Không bằng cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Ea Hồ	4,06	01/10/2004	0,4	01/11/2009	38%	01/9/2015	19%	01/11/2015			4.06 + VK 15% 4.06 + VK 16% 4.06 + VK 17% 4.06 + VK 18% 4.06 + VK 19%	01/11/2011 '01/11/2012 '01/11/2013 '01/11/2014 '01/11/2015	7.766	40 năm 5 tháng		03/01/2017	58 tuổi 8 tháng					Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
V	**Huyện Cư Kuin**																										

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
1	Phan Thị Huyền	Nữ	03/03/1966	Trung cấp sư phạm	Giáo viên, Trường Mẫu giáo Măng Non	4,06	01/01/2010			31%	23/02/2016	9%	01/01/2016			4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8% 4.06 + VK 9%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.328	32 năm 6 tháng		03/3/2017	51 tuổi	148.708	75.936	31.640	41.132	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Hương	Nữ	20/12/1964	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Ngô Quyền	4,06	01/01/2011			32%	01/10/2016	8%	01/01/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/01/2011 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.376	33 năm 9 tháng		31/5/2017	52 tuổi 5 tháng	127.520	51.008	31.880	44.632	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Nguyễn Sỹ Tiến	Nam	04/04/1960	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	4,06	01/4/2011			30%	30/3/2016	8%	01/4/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/4/2011 '01/4/2013 '01/4/2014 '01/4/2015 '01/4/2016	6.069	31 năm 4 tháng		01/01/2017	56 tuổi 9 tháng	125.932	60.690	30.345	34.897	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Văn Hùng	Nam	12/7/1960	Trung cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Quang Trung	4,06	01/01/2011			29%	01/9/2016	8%	01/01/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/01/2011 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.023	30 năm 3 tháng		01/01/2017	56 tuổi 6 tháng	121.966	60.230	30.115	31.621	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	H' Wưn Êban	Nữ	10/10/1965	Trung cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	4,06	01/7/2013			27%	10/3/2016	6%	01/7/2016			3,86 4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6%	01/7/2011 '01/7/2013 '01/7/2015 '01/7/2016	5.669	28 năm 4 tháng		01/01/2017	51 tuổi 3 tháng	114.797	62.359	28.345	24.093	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VI	**Huyện Krông Bông**																										
1	Bạch Xuân An	Nam	03/9/1959	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	4,06 + VK 13%	01/12/2015	0,2	Từ tháng 9/2007 đến 8/2014	35%	01/6/2016	13%	01/12/2015			4.06 + VK 9% 4.06 + VK 10% 4.06 + VK 11% 4.06 + VK 12% 4.06 + VK 13%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	7.030	36 năm 10 tháng		30/6/2017	57 tuổi 9 tháng	144.131	49.215	35.154	59.762	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VII	**Huyện Krông Pắc**																										

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
1	Phan Đình Lộc	Nam	11/02/1960	Sơ cấp	Nhân viên, Trường Tiểu học Phước Thọ	3,33	01/7/2006	.				15%	01/7/2015			3,33 + VK 11% 3,33 + VK 12% 3,33 + VK 13% 3,33 + VK 14% 3,33 + VK 15%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015	4.211	32 năm 4 tháng		02/01/2017	56 tuổi 10 tháng	89.495	42.116	21.057	26.322	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Lê Thị Thuận	Nữ	25/7/1964	Cao đẳng Vật lý	Nhân viên thiết bị, Trường THCS Thị trấn Phước An	4,89	01/4/2014									4,58 4,89	01/4/2011 '01/4/2014	5.298	31 năm 2 tháng		02/01/2017	52 tuổi 5 tháng	98.006	42.381	26.488	29.137	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VIII	**Huyện Ea Kar**																										
1	Lê Thị Hiền	Nữ	08/4/1965	Cao đẳng	Giáo viên, Trường Mầm non Sao Khuê	4,27	01/01/2015			31%	01/6/2015					3,96 4,27	01/01/2012 '01/01/2015	6.040	33 năm 7 tháng		01/4/2017	52 tuổi	126.840	54.360	30.200	42.280	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trương Thị Thủy	Nữ	27/02/1966	Sơ cấp	Văn thư, Trường THCS Hùng Vương	2,98 + VK 18%	01/11/2015					18%	01/11/2015			2,98 + VK 14% 2,98 + VK 15% 2,98 + VK 16% 2,98 + VK 17% 2,98 + VK 18%	01/11/2011 '01/11/2012 '01/11/2013 '01/11/2014 '01/11/2015	3.857	30 năm 4 tháng		01/01/2017	50 tuổi 11 tháng	89.675	50.141	19.285	20.249	Điểm C, Khoản 1, ~~Điều 6,~~ NĐ108
3	Tạ Thị Thảo	Nữ	08/11/1964	Cao đẳng	Giáo viên, Trường Mầm non Mầm non	4,89	01/02/2016			30%	01/10/2015					4,27 4,58 4,89	01/02/2010 '01/02/2013 '01/02/2016	6.549	32 năm		01/01/2017	52 tuổi 2 tháng	124.431	52.392	32.745	39.294	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Đặng Thị Kim Cương	Nữ	18/8/1964	12+2	Giáo viên, Trường TH Hoàng Văn Thụ	4,06	01/01/2012			25%	01/6/2015	7%	01/01/2016			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7%	01/01/2012 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	5.803	27 năm 4 tháng		01/01/2017	52 tuổi 5 tháng	97.200	46.424	29.015	21.761	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
5	Trương Đức Thảo	Nam	12/9/1959	Không bằng cấp	Nhân viên bảo vệ, Trường TH Lê Lợi	3,48 + VK 17%	01/01/2016					17%	01/01/2016			3,48 + VK 13% 3,48 + VK 14% 3,48 + VK 15% 3,48 + VK 16% 3,48 + VK 17%	01/01/2012 01/01/2013 01/01/2014 01/01/2015 01/01/2016	4.587	30 năm 6 tháng		01/6/2017	57 tuổi 9 tháng	79.126	32.109	22.935	24.082	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IX	**Huyện Ea H'leo**																										
1	Quách Đình Tân	Nam	07/5/1962	Trung cấp Sư phạm Tiểu học	Hiệu trưởng Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	4.06 + VK 17%	01/01/2016	0,4	11/10/2010	33%	01/11/2015	17%	01/01/2016			4.06 + VK 13% 4.06 + VK 14% 4.06 + VK 15% 4.06 + VK 16% 4.06 + VK 17%	01/01/2012 01/01/2013 01/01/2014 01/01/2015 01/01/2016	7.350	34 năm 7 tháng		07/5/2017	55 tuổi	202.128	110.252	36.750	55.126	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
X	**Huyện Krông Ana**																										
1	Nguyễn Thị Tính	Nữ	19/01/1965	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Phó Hiệu trưởng Trường THCS Dur Kmăn	3,99	'01/10/2013	0,35	15/9/2006	19%	30/4/2016					3,66 3,99	01/10/2010 '01/10/2013	5.590	21 năm 4 tháng		01/01/2017	51 tuổi 11 tháng	88.053	55.907	27.953	4.193	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Hoàng Thị Lành	Nữ	09/02/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Tổ trưởng tổ chuyên môn trường THCS Lương Thế Vinh	4,58	'01/11/2013	0,2	01/9/2011	24%	30/4/2016					4,27 4,58	01/11/2010 '01/11/2013	6.343	26 năm		01/01/2017	51 tuổi 10 tháng	114.185	63.436	31.718	19.031	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Đặng Thị Ngọc Tường	Nữ	28/01/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Tổ trưởng tổ chuyên môn trường THCS Tô Hiệu	4,58	'01/3/2015	0,2	01/9/2011	29%	30/4/2016					3,96 4,27 4,58	01/3/2009 '01/3/2012 '01/3/2015	6.467	30 năm 11 tháng		01/01/2017	51 tuổi 11 tháng	132.587	64.677	32.338	35.572	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	04/02/1964	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, trường THCS Tô Hiệu	4,58	'01/3/2014			29%	30/4/2016					4,27 4,58	01/3/2011 '01/3/2014	6.312	30 năm 9 tháng		01/01/2017	52 tuổi 10 tháng	110.459	44.184	31.560	34.715	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
5	Hứa Thị Tuyết	Nữ	27/10/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, trường THCS Nguyễn Trãi	4,58	'01/01/2015			28%	30/4/2016					4,27 4,58	01/01/2012 '01/01/2015	6.187	30 năm 4 tháng		01/01/2017	51 tuổi 2 tháng	131.474	68.057	30.935	32.482	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
XI	**Huyện Lắk**																										
1	Hoàng Thị Thanh Thúy	Nữ	01/12/1963	Đại học Sư phạm Toán	Giáo viên, trường THCS Nguyễn Trãi	4,98	'01/8/2015			28%	01/09/2016					4,32 4,65 4,98	01/8/2009 '01/8/2012 '01/8/2015	6.026	29 năm 3 tháng		02/01/2017	53 tuổi 1 tháng	97.199	32.949	32.949	31.301	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Tổng cộng có: 56 trường hợp, trong đó:

- Khối Đảng: 02 trường hợp
- Khối hành chính: 15 trường hợp
- Khối cấp xã: 01 trường hợp
- Khối sự nghiệp: 38 trường hợp

Tổng số kinh phí chi trả: 6.359.799.000 đồng (Sáu tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Biểu 1c

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY ĐỢT I NĂM 2017

Từ ngày 01/01/2017 - 30/6/2017

(Kèm theo Công văn số: 10097 /UBND-TH ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Lý do tinh giản
						Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
A	**KHỐI ĐẢNG (01 trường hợp)**																										
1	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	03/3/1968		Nhân viên Lái xe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Buôn Đôn	3,85	01/8/2015									3,49 3,67 3,85	01/8/2011 '01/8/2013 '01/8/2015	4.659	4.083	21 năm		01/01/2017	48 tuổi 10 tháng	138.498			Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
B	**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ (01 trường hợp)**																										
I	**Huyện Ea H'leo**																										
1	Lý Hồng Tuấn	Nam	19/12/1969	Trung cấp Hành chính	Phó Chủ tịch HĐND xã Cư A Mung	3,26	'01/01/2015	0,2	21/10/2015							2,86 3,06 3,26	01/01/2011 '01/01/2013 '01/01/2015	3.945	3.728	24 năm 8 tháng		02/01/2017	47 tuổi	146.056	11.834	134.222	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
C	**KHỐI SỰ NGHIỆP (02 trường hợp)**																										
I	**Huyện Ea H'leo**																										
1	Lương Ngọc Hoành	Nam	19/12/1969	Trung cấp Kế toán	Nhân viên Kế toán, Trường TH Trần Phú	2,86	'20/7/2014									2,46 2,66 2,86	20/7/2010 '20/7/2012 '20/7/2014	3.461	3173	15 năm		02/01/2017	47 tuổi	81.764	10.382	71.382	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Lý do tinh giản
						Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
2	Dương Thị Thân	Nữ	10/12/1968	Đại học Sư phạm Tiểu học	Giáo viên, Trường TH Nơ Trang Lơng	4,32	'01/9/2013			22%	01/9/2015					3,99 4,32	01/9/2010 '01/9/2013	6.325	5632	23 năm 1 tháng		03/01/2017	48 tuổi 1 tháng	213.296	18.975	194.321	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Tổng cộng có: 04 trường hợp, trong đó:

- Khối Đảng: 01 trường hợp
- Khối cấp xã: 01 trường hợp
- Khối sự nghiệp: 02 trường hợp

Tổng số kinh phí chi trả: 579.614.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn đồng)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Biểu 2

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT I NĂM 2017

Từ ngày 01/01/2017 - 30/6/2017

(Kèm theo Công văn số: 10097 /UBND-TH ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng			Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngày	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
A	**KHỐI ĐẢNG (03 trường hợp)**																														
1	Nguyễn Hữu Điệp	Nam	04/9/1961	Cử nhân Kinh tế	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Liên đoàn Lao động tỉnh	4,98 + 8%	01/10/2016	0,3	01/12/2007			8%	01/10/2016			4,98 4,98 + VK 5% 4,98 + VK 6% 4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8%	01/10/2010 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/10/2015 '01/10/2016	6.871	6.124	33 năm		55 tuổi 4 tháng	01/01/2017	X				143.923		X	Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Tần Văn Nhật	Nam	02/4/1959	Thạc sĩ Lâm nghiệp	Chủ tịch Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT, Liên đoàn Lao động tỉnh	6,44	01/12/2016	0,55	01/5/2012							5,76 6,10 6,44	01/12/2011 '01/12/2013 '01/12/2016	8.047	7.273	34 năm 11 tháng		57 tuổi 9 tháng	01/01/2017	X				134.552		X	Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	03/3/1968		Nhân viên Lái xe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Buôn Đôn	3,85	01/8/2015									3,49 3,67 3,85	01/8/2011 '01/8/2013 '01/8/2015	4.659	4.083	21 năm		48 tuổi 10 tháng	01/01/2017			X		138.498		X	Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
B	**KHỐI HÀNH CHÍNH TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN (15 trường hợp)**																														
I	**Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**																														
1	Huỳnh Xuân Ngữ	Nam	02/01/1960	Đại học Luật	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	5,42	01/01/2015	0,3	10/4/2014							4,98 +VK 5% 4,98 +VK 6% 4,98 +VK 7% 4,98 +VK 8% 5,42	01/10/2011 '01/10/2012 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/01/2015		6.145	36 năm 3 tháng		57 tuổi	02/01/2017	X				136.734		X	Điểm A, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
II	**Sở Công thương**																														

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	Dương Hùng Ba	Nam	08/6/1961	Đại học Kế toán tài chính	Trưởng phòng Quản lý công nghiệp	4,98	01/6/2005	0,7 0,5	01/11/2009 '01/7/2016			13%	01/6/2016			4,98 +VK 9% 4,98 +VK 10% 4,98 +VK 11% 4,98 +VK 12% 4,98 +VK 13%	01/6/2012 '01/6/2013 '01/6/2014 '01/6/2015 '01/6/2016	8.610	6.931	35 năm 4 tháng	18 năm 11 tháng	55 tuổi 7 tháng	02/01/2017	X				178.481		X	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Đồng Văn Tiến	Nam	23/3/1961	Đại học Lâm nghiệp	Phó Chánh Văn phòng Sở	4,98	01/7/2009	0,3 0,5	01/6/2005 '01/5/2013			9%	01/7/2016			4,98 + VK 5% 4,98 + VK 6% 4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8% 4,98 + VK 9%	01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015 '01/7/2016	8.265	6.442	32 năm 2 tháng	01 năm 4 tháng	55 tuổi 10 tháng	02/01/2017	X				154.617		X	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
III	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**																														
1	Y Priu H'mok	Nam	16/11/1959	Sơ cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	3,63 + VK 12%	01/01/2016			37%	01/11/2015	12%	01/01/2016			3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11% 3,63 + VK 12%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.740	6.060	38 năm 7 tháng		57 tuổi 2 tháng	31/01/2017	X				136.354		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Phan Đình	Nam	01/01/1961	Đại học	Nhân viên, Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	4,98 + VK 17%	'01/10/2016			28%	01/8/2016	17%	'01/10/2016			4,98 + VK 13% 4,98 + VK 14% 4,98 + VK 15% 4,98 + VK 16% 4,98 + VK 17%	01/10/2012 '01/10/2013 '01/10/2014 '01/10/2015 '01/10/2016	8.877	8.014	32 năm 11 tháng		56 tuổi	31/01/2017	X				188.327		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Đồng Xuân Vượng	Nam	18/12/1957	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Ea H'leo, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 17%	'01/3/2016			32%	01/9/2015	17%	'01/3/2016			4,06 + VK 13% 4,06 + VK 14% 4,06 + VK 15% 4,06 + VK 16% 4,06 + VK 17%	01/3/2012 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	7.587	6.916	39 năm 3 tháng		59 tuổi 3 tháng	31/3/2017	X						X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Cao Xuân Nhẫn	Nam	20/3/1960	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	4,98	'01/12/2013			31%	01/5/2016					4,65 4,98	01/12/2010 '01/12/2013	7.894	7.280	34 năm		57 tuổi 3 tháng	30/6/2017	X				145.598		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Huỳnh Hữu Phước	Nam	20/02/1960	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	4,98 + VK 11%	'01/5/2016			32%	01/01/2016	11%	'01/5/2016			4,98 + VK 7% 4,98 + VK 8% 4,98 + VK 9% 4,98 + VK 10% 4,98 + VK 11%	01/5/2012 '01/5/2013 '01/5/2014 '01/5/2015 '01/5/2016	8.829	8.125	33 năm 6 tháng		57 tuổi 4 tháng	30/6/2017	X				160.472		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng			Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
6	Nguyễn Thế Tiến	Nam	15/5/1960	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 8%	'01/12/2015			31%	01/5/2016	8%	'01/12/2015			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8%	01/12/2010 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	7.208	6.356	31 năm 11 tháng		57 tuổi	30/5/2017	X				149.367		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
7	Hoàng Văn Chi	Nam	03/4/1959	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện Krông Năng, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 12%	'01/12/2015			31%	01/12/2015	12%	'01/12/2015			4,06 + VK 9% 4,06 + VK 10% 4,06 + VK 11% 4,06 + VK 12% 4,06 + VK 12%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	8.253	6.378	33 năm 4 tháng		57 tuổi 9 tháng	30/01/2017	X				119.604		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
8	Nguyễn Ngọc Khang	Nam	27/9/1959	Trung cấp	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện M'Đrắk, Chi cục Kiểm lâm	4,06 + VK 9%	'01/3/2016			30%	31/12/2015	9%	'01/3/2016			4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8% 4,06 + VK 9%	01/3/2012 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	6.961	6.326	38 năm 8 tháng		57 tuổi 6 tháng	30/3/2017	X				136.009		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
9	Ngô Trọng Thắng	Nam	19/11/1962	Đại học	Nhân viên, Hạt Kiểm lâm huyện M'Đrắk, Chi cục Kiểm lâm	4,65	'01/01/2014			30%	01/5/2016					4,32 4,65	01/01/2011 '01/01/2014	7.314	6.738	35 năm		54 tuổi 7 tháng	30/6/2017	X				192.029		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IV	**Huyện Ea Kar**																														
1	Lê Thị Mỹ Dung	Nữ	18/10/1964		Kế toán, Phòng Nông nghiệp và PTNT	4,06	01/3/2011					8%	01/3/2016			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8%	01/3/2011 '01/3/2013 '01/3/2014 '01/3/2015 '01/3/2016	5.669	4.898	30 năm 6 tháng		52 tuổi 7 tháng	01/6/2017	X				85.717		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Hoàng Thị Lý	Nữ	28/4/1965	Cao đẳng Sư phạm Mầm non	Chuyên viên, Phòng Nội vụ	4,89	'01/12/2014									4,58 4,89	01/12/2011 '01/12/2014	5.916	5.457	33 năm 4 tháng		52 tuổi	01/4/2017	X				113.233		X	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
V	**Huyện Krông Ana**																														
1	Nguyễn Ngọc Thông	Nam	29/02/1960	Kỹ thuật Lái xe	Lái xe, Văn phòng HĐND và UBND huyện	4.03	'01/12/1999					19%	'01/12/2015			4.03 + VK 15% 4.03 + VK 16% 4.03 + VK 17% 4.03 + VK 18% 4.03 + VK 19%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	6.473	5.256	33 năm 4 tháng		56 tuổi 10 tháng	01/01/2017	X				114.325		X	Điểm Đ, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
C	**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ (02 trường hợp)**																														
1	**Huyện Cư M'gar**																														

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	Y Bhuă Kbuôr	Nam	18/4/1959	Sơ cấp lý luận chính trị	Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Ea H'đing	2,65	01/09/2010									2,65	01/09/2010	3.207	2.950	22 năm		57 tuổi 8 tháng	01/01/2017	X				38.351		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
II	**Huyện Ea H'leo**																														
1	Lý Hồng Tuấn	Nam	19/12/1969	Trung cấp Hành chính	Phó Chủ tịch HĐND xã Cư A Mung	3,26	'01/01/2015	0,2	21/10/2015							2,86 3,06 3,26	01/01/2011 '01/01/2013 '01/01/2015	3.945	3.728	24 năm 8 tháng		47 tuổi	02/01/2017			X		146.056		X	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
D	**KHỐI SỰ NGHIỆP (40 trường hợp)**																														
I	**Sở Giáo dục và Đào tạo**																														
1	Nguyễn Thị Đăng Duyên	Nữ	20/5/1964	Trung cấp Kế toán	Phụ trách Kế toán, Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Krông Pắc	3,66	01/01/2016	0,25	01/01/2007							3,26 3,46 3,66	01/9/2012 '01/01/2014 '01/01/2016	5.094	4.170	25 năm 3 tháng		52 tuổi 10 tháng	01/4/2017	X				61.495		X	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Phương Lan	Nữ	12/3/1966	Trung cấp	Thủ quỹ, Trung tâm GDTX huyện Krông Ana	4,06	01/7/2010					10%	01/7/2015			4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7% 4,06 + VK 8% 4,06 + VK 9% 4,06 + VK 10%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015	5.595	4.315	32 năm 2 tháng		50 tuổi 11 tháng	15/02/2017	X				103.567		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
II	**Sở Y tế**																														
1	Trần Văn Nhung	Nam	20/10/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Ea Súp	3,45	01/05/2015									3,09 3,27 3,45	01/5/2011 '01/5/2013 '01/5/2015	4.174	3.690	28 năm 6 tháng		57 tuổi 3 tháng	01/02/2017	X				64.576		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Lò Thị Phương Thảo	Nữ	25/03/1967	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh, Trung tâm Y tế TP.Buôn Ma Thuột	3,46	01/02/2016									3,06 3,26 3,46	01/02/2012 '01/02/2014 '01/02/2016	4.186	3.668	20 năm 7 tháng		50 tuổi	01/4/2017	X				75.207		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Y Djol H'Đok	Nam	25/04/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Krông Ana	3,63 + VK 10%	30/05/2016					10%	01/5/2016			3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10%	01/5/2012 '01/5/2013 '01/5/2014 '01/5/2015 '01/5/2016	4.813	4.383	34 năm 4 tháng		57 tuổi 9 tháng	01/02/2017	X				84.374		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
4	Lê Đình Vững	Nam	27/09/1960	Dược sơ cấp	Dược tá, BVĐK huyện M'Đrắk	3,63 + VK 14%	01/04/2016					14%	01/04/2016			3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11% 3,63 + VK 12% 3,63 + VK 13% 3,63 + VK 14%	01/04/2012 '01/04/2013 '01/04/2014 '01/04/2015 '01/04/2016	5.051	4.649	31 năm 10 tháng		56 tuổi 8 tháng	01/6/2017	X				97.640		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Trần Thị Thanh Uyên	Nữ	06/02/1965	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 333	3,63 + VK 10%	01/12/2015					10%	01/12/2015			3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	4.875	4.427	33 năm 11 tháng		52 tuổi	01/3/2017	X				92.981		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
6	Hoàng Thị Hòa	Nữ	03/08/1966	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 334	3,63 + VK 9%	01/7/2015					9%	01/7/2015			3,63 + VK 5% 3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015	4.787	4.344	32 năm 5 tháng		50 tuổi 4 tháng	01/01/2017	X				109.688		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
7	Phạm Hữu Lý	Nam	20/02/1959	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK khu vực 333	3,63 + VK 11%	01/01/2016					11%	01/01/2016			3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9% 3,63 + VK 10% 3,63 + VK 11%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	4.875	4.408	37 năm 10 tháng		57 tuổi 10 tháng	01/01/2017	X				92.580		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
8	Nguyễn Ngọc Sánh	Nam	28/5/1959	Điều dưỡng trung cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Cư M'gar	4,06+ VK 6%	01/04/2015					6%	01/04/2015			3,86 4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6%	01/10/2010 '01/4/2012 '01/4/2014 '01/4/2015	5.207	4.758	34 năm 1 tháng		57 tuổi 10 tháng	01/4/2017	X				90.415		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
9	Phạm Quang Hồng	Nam	02/01/1962	Điều dưỡng sơ cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Cư M'gar	3,63 + VK 9%	01/04/2016					9%	01/04/2016			3,63 + VK 5% 3,63 + VK 6% 3,63 + VK 7% 3,63 + VK 8% 3,63 + VK 9%	01/04/2012 '01/04/2013 '01/04/2014 '01/04/2015 '01/04/2016	4.787	4.400	35 năm 8 tháng		55 tuổi 2 tháng	01/4/2017	X				118.821		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
10	H' Sỹ Kpor	Nữ	07/05/1965	Điều dưỡng trung cấp	Điều dưỡng, BVĐK huyện Krông Bông	4,06+ VK 5%	01/07/2015					5%	01/07/2015			3,86 4,06 4,06 + VK 5%	'01/01/2012 '01/7/2013 '01/7/2015		4.531	25 năm 10 tháng		51 tuổi 7 tháng	01/01/2017	X				81.571		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
III	Đài Phát thanh và Truyền hình																														

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	Hàng Vĩnh Hòa	Nam	21/9/1959	Sơ cấp	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật sản xuất chương trình	4,06 + VK 17%	01/01/2016					17%	01/01/2016			4,06 + VK 13% 4,06 + VK 14% 4,06 + VK 15% 4,06 + VK 16% 4,06 + VK 17%	01/01/2012 01/01/2013 01/01/2014 01/01/2015 01/01/2016	5.263	4.834	31 năm 10 tháng		57 tuổi 3 tháng	01/01/2017	X				96.674		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IV	**Huyện Krông Năng**																														
1	Hồ Thị Minh Thư	Nữ	12/06/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	10/09/2015			29%	01/09/2015					3,96 4.27 4.58	10/09/2009 10/09/2012 10/09/2015		6.084	31 năm 5 tháng		51 tuổi 06 tháng	03/01/2017	X				126.251		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Nữ	Nữ	10/02/1966	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	01/03/2015			29%	01/09/2015					3,96 4,27 4,58	01/03/2009 01/03/2012 01/03/2015		6.166	31 năm 5 tháng		50 tuổi 10 tháng	03/01/2017	X				146.437		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Trương Thị Ngọc	Nữ	26/02/1964	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Phú Lộc	4,58	10/09/2015			29%	01/09/2015					3,96 4.27 4.58	10/09/2009 10/09/2012 10/09/2015		6.084	31 năm 5 tháng		52 tuổi 10 tháng	03/01/2017	X				107.998		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Anh Hồng	Nam	06/03/1959	Đại học Sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Ea Hồ	4,32	01/09/2014			27%	01/09/2015					3,99 4.32	01/09/2011 01/09/2014		5.752	37 năm 2 tháng		57 tuổi 9 tháng	03/01/2017	X				117.919		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Y Mrôk Mlô	Nam	29/04/1958	Không bằng cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Ea Hồ	4,06	01/10/2004	0,4	01/11/2009	38%	01/9/2015	19%	01/11/2015			4.06 + VK 15% 4.06 + VK 16% 4.06 + VK 17% 4.06 + VK 18% 4.06 + VK 19%	01/11/2011 01/11/2012 01/11/2013 01/11/2014 01/11/2015		7.766	40 năm 5 tháng		58 tuổi 8 tháng	03/01/2017	X						X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
V	**Huyện Cư Kuin**																														
1	Phan Thị Huyền	Nữ	03/03/1966	Trung cấp sư phạm	Giáo viên, Trường Mẫu giáo Măng Non	4,06	01/01/2010			31%	23/02/2016	9%	01/01/2016			4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8% 4.06 + VK 9%	01/01/2012 01/01/2013 01/01/2014 01/01/2015 01/01/2016	6.728	6.328	32 năm 6 tháng		51 tuổi	03/3/2017	X				148.708		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trần Thị Hương	Nữ	20/12/1964	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Ngô Quyền	4,06	01/01/2011			32%	01/10/2016	8%	01/01/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/01/2011 01/01/2013 01/01/2014 01/01/2015 01/01/2016	6.718	6.376	33 năm 9 tháng		52 tuổi 5 tháng	31/5/2017	X				127.520		X	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngày	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	Nguyễn Sỹ Tiến	Nam	04/04/1960	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	4,06	01/4/2011			30%	30/3/2016	8%	01/4/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/4/2011 '01/4/2013 '01/4/2014 '01/4/2015 '01/4/2016	6.555	6.069	31 năm 4 tháng		56 tuổi 9 tháng	01/01/2017	X				125.932		X	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Văn Hùng	Nam	12/7/1960	Trung cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Quang Trung	4,06	01/01/2011			29%	01/9/2016	8%	01/01/2016			4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6% 4.06 + VK 7% 4.06 + VK 8%	01/01/2011 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.505	6.023	30 năm 3 tháng		56 tuổi 6 tháng	01/01/2017	X				121.966		X	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	H' Wun Êban	Nữ	10/10/1965	Trung cấp	Giáo viên, Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	4,06	01/7/2013			27%	10/3/2016	6%	01/7/2016			3,86 4.06 4.06 + VK 5% 4.06 + VK 6%	01/7/2011 '01/7/2013 '01/7/2015 '01/7/2016		5.669	28 năm 4 tháng		51 tuổi 3 tháng	01/01/2017	X				114.797		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VI	**Huyện Krông Bông**																														
1	Bạch Xuân An	Nam	03/9/1959	Trung học sư phạm	Giáo viên, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	4,06 + VK 13%	01/12/2015	0,2	Từ tháng 9/2007 đến 8/2014	35%	01/6/2016	13%	01/12/2015			4.06 + VK 9% 4.06 + VK 10% 4.06 + VK 11% 4.06 + VK 12% 4.06 + VK 13%	01/12/2011 '01/12/2012 '01/12/2013 '01/12/2014 '01/12/2015	7.616	7.030	36 năm 10 tháng		57 tuổi 9 tháng	30/6/2017	X				144.131		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VII	**Huyện Krông Pắc**																														
1	Phan Đình Lộc	Nam	11/02/1960	Sơ cấp	Nhân viên, Trường Tiểu học Phước Thọ	3,33	01/7/2006					15%	01/7/2015			3,33 + VK 11% 3,33 + VK 12% 3,33 + VK 13% 3,33 + VK 14% 3,33 + VK 15%	01/7/2011 '01/7/2012 '01/7/2013 '01/7/2014 '01/7/2015		4.211	32 năm 4 tháng		56 tuổi 10 tháng	02/01/2017	X				89.495		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Lê Thị Thuận	Nữ	25/7/1964	Cao đẳng Vật lý	Nhân viên thiết bị, Trường THCS Thị trấn Phước An	4,89	01/4/2014									4,58 4,89	01/4/2011 '01/4/2014		5.298	31 năm 2 tháng		52 tuổi 5 tháng	02/01/2017	X				98.006		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VIII	**Huyện Ea Kar**																														
1	Lê Thị Hiền	Nữ	08/4/1965	Cao đẳng	Giáo viên, Trường Mầm non Sao Khuê	4,27	01/01/2015			31%	01/6/2015					3,96 4,27	01/01/2012 '01/01/2015	6.824	6.040	33 năm 7 tháng		52 tuổi	01/4/2017	X				126.840		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Trương Thị Thủy	Nữ	27/02/1966	Sơ cấp	Văn thư, Trường THCS Hùng Vương	2,98 + VK 18%	01/11/2015					18%	01/11/2015			2,98 + VK 14% 2,98 + VK 15% 2,98 + VK 16% 2,98 + VK 17% 2,98 + VK 18%	01/11/2011 '01/11/2012 '01/11/2013 '01/11/2014 '01/11/2015	4.295	3.857	30 năm 4 tháng		50 tuổi 11 tháng	01/01/2017	X				89.675		X	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng					Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	Tạ Thị Thảo	Nữ	08/11/1964	Cao đẳng	Giáo viên, Trường Mầm non Mầm non	4,89	01/02/2016			30%	01/10/2015					4,27 4,58 4,89	01/02/2010 '01/02/2013 '01/02/2016	7.756	6.549	32 năm		52 tuổi 2 tháng	01/01/2017	X				124.431		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Đặng Thị Kim Cương	Nữ	18/8/1964	12+2	Giáo viên, Trường TH Hoàng Văn Thụ	4,06	01/01/2012			25%	01/6/2015	7%	01/01/2016			4,06 4,06 + VK 5% 4,06 + VK 6% 4,06 + VK 7%	01/01/2012 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	6.618	5.803	27 năm 4 tháng		52 tuổi 5 tháng	01/01/2017	X				97.200		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Trương Đức Thảo	Nam	12/9/1959	Không bằng cấp	Nhân viên bảo vệ, Trường TH Lê Lợi	3,48 + VK 17%	01/01/2016					17%	01/01/2016			3,48 + VK 13% 3,48 + VK 14% 3,48 + VK 15% 3,48 + VK 16% 3,48 + VK 17%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	4.973	4.587	30 năm 6 tháng		57 tuổi 9 tháng	01/6/2017	X				79.126		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IX	**Huyện Ea H'leo**																														
1	Quách Đình Tân	Nam	07/5/1962	Trung cấp Sư phạm Tiểu học	Hiệu trưởng Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	4.06 + VK 17%	01/01/2016	0,4	11/10/2010	33%	01/11/2015	17%	01/01/2016			4.06 + VK 13% 4.06 + VK 14% 4.06 + VK 15% 4.06 + VK 16% 4.06 + VK 17%	01/01/2012 '01/01/2013 '01/01/2014 '01/01/2015 '01/01/2016	7.905	7.350	34 năm 7 tháng		55 tuổi	07/5/2017	X				202.128		X	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Lương Ngọc Hoành	Nam	19/12/1969	Trung cấp Kế toán	Nhân viên Kế toán, Trường TH Trần Phú	2,86	'20/7/2014									2,46 2,66 2,86	20/7/2010 '20/7/2012 '20/7/2014	3.461	3173	15 năm		47 tuổi	02/01/2017			X		81.764		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
3	Dương Thị Thân	Nữ	10/12/1968	Đại học Sư phạm Tiểu học	Giáo viên, Trường TH Nơ Trang Lơng	4,32	'01/9/2013			22%	01/9/2015					3,99 4,32	01/9/2010 '01/9/2013	6.325	5632	23 năm 1 tháng		48 tuổi 1 tháng	03/01/2017			X		213.296		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
X	**Huyện Krông Ana**																														
1	Nguyễn Thị Tình	Nữ	19/01/1965	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Phó Hiệu trưởng Trường THCS Dur Kmăn	3,99	'01/10/2013	0,35	15/9/2006	19%	30/4/2016					3,66 3,99	01/10/2010 '01/10/2013	6.123	5.590	21 năm 4 tháng		51 tuổi 11 tháng	01/01/2017	X				88.053		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Hoàng Thị Lành	Nữ	09/02/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Tổ trưởng tổ chuyên môn trường THCS Lương Thế Vinh	4,58	'01/11/2013	0,2	01/9/2011	24%	30/4/2016					4,27 4,58	01/11/2010 '01/11/2013	8.754	6.343	26 năm		51 tuổi 10 tháng	01/01/2017	X				114.185		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, chức danh nghề nghiệp trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
						Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng			Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số PC 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí do cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Nhà nước cấp	
	A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	Đặng Thị Ngọc Tường	Nữ	28/01/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, Tổ trưởng tổ chuyên môn trường THCS Tô Hiệu	4,58	'01/3/2015	0,2	01/9/2011	29%	30/4/2016					3,96 4,27 4,58	01/3/2009 '01/3/2012 '01/3/2015	6.971	6.467	30 năm 11 tháng		51 tuổi 11 tháng	01/01/2017	X				132.587		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
4	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	04/02/1964	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, trường THCS Tô Hiệu	4,58	'01/3/2014			29%	30/4/2016					4,27 4,58	01/3/2011 '01/3/2014	6.741	6.312	30 năm 9 tháng		52 tuổi 10 tháng	01/01/2017	X				110.459		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Hứa Thị Tuyết	Nữ	27/10/1965	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên, trường THCS Nguyễn Trãi	4,58	'01/01/2015			28%	30/4/2016					4,27 4,58	01/01/2012 '01/01/2015	6.689	6.187	30 năm 4 tháng		51 tuổi 2 tháng	01/01/2017	X				131.474		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
XI	**Huyện Lắk**																														
1	Hoàng Thị Thanh Thúy	Nữ	01/12/1963	Đại học Sư phạm Toán	Giáo viên, trường THCS Nguyễn Trãi	4,98	'01/8/2015			28%	01/09/2016					4,32 4,65 4,98	01/8/2009 '01/8/2012 '01/8/2015	7.713	6.026	29 năm 3 tháng		53 tuổi 1 tháng	02/01/2017	X				97.199		X	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

Tổng cộng có: 60 trường hợp, trong đó:

- Khối Đảng: 03 trường hợp
- Khối hành chính: 15 trường hợp
- Khối cấp xã: 02 trường hợp
- Khối sự nghiệp: 40 trường hợp

Tổng số kinh phí chi trả: 6.939.413.000 đồng (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm mười ba ngàn đồng)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị